

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-ST

Ngày: 25.02.2021.

V/v tranh chấp “*Hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**.

- Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông **Trịnh Văn Bé**;

2. Ông **Trương Phước Công**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Tường Vi**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh A G

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M, tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 471/2019/TLST- DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 381/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 339/2019/QĐST – DS ngày 24/9/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Trần Thanh Ph, sinh năm 1977; địa chỉ: khóm TĐ B, thị trấn T B, huyện T B, tỉnh A G

Đại diện theo ủy quyền cho ông Trần Thanh Ph là chị Lê Thị Thùy T, sinh năm 1983: địa chỉ: ấp 3, xã P L, huyện T B, tỉnh Đ T (có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Huỳnh Văn G, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Bà Lưu Thị G, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Chị Huỳnh Thị Thúy N, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Cùng ngụ số nhà 376, ấp T L, xã T M, huyện C M, tỉnh A G .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải được và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị Thùy T trình bày: Vào ngày 21.11.2018 ông G, bà Đ, chị N có vay tiền của anh Ph, số tiền 15.000.000 đồng có làm biên nhận, hai bên thỏa thuận lãi suất 1.66%/tháng, không hạn thời gian trả, mỗi tháng đóng lãi một lần, ông G, bà Đ, chị N có đóng lãi đến tháng 11/2019 và trả tiền vốn 4.824.000 đồng, đến nay thì cũng không trả vốn và không đóng lãi tiếp tục, còn lại số tiền vốn 10.176.000 đồng. Anh Ph có đến nhà ông G, bà Đ, chị N nhắc nhở nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện. Nay anh Ph yêu cầu ông G, bà Đ, chị N có nghĩa vụ trả cho anh Ph số tiền vốn 10.176.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 21/12/2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ ông G, bà Đ, chị N đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng ông bà không đến và cũng không gửi ý kiến cho Tòa án xem xét. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông G, bà Đ, chị N có nơi cư trú tại ấp T L, xã T M, huyện C M, tỉnh A G Tòa án nhân dân huyện C M thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông G, bà Đ, chị N được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông G, bà Đ, chị N.

[2] Qua lời trình bày của chị T đại diện ủy quyền cho nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ cung cấp, qua quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định giữa anh Ph với ông G, bà Đ, chị N có thỏa thuận với nhau việc vay tiền. Vào ngày 21.11.2018 ông G, bà Đ, chị N có vay tiền của anh Ph số tiền 15.000.000 đồng có làm biên nhận, hai bên thỏa thuận lãi suất 1.66%/tháng, không hạn thời gian trả, mỗi tháng đóng lãi một lần, ông G, bà Đ, chị N có đóng lãi đến tháng 11/2019 và trả số tiền vốn 4.824.000 đồng thì không đóng lãi tiếp tục, còn lại số tiền 10.176.000 đồng không trả cho đến nay. Xét thấy việc vay mượn giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, và phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Ông G, bà Đ, chị N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ khi anh Ph có yêu cầu thu hồi vốn làm thiệt thòi

quyền lợi của anh. Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa ông G, bà Đ, chị N vắng mặt và cũng không gửi ý kiến trình bày để Hội đồng xét xử xem xét, chị T xuất trình chứng cứ là biên nhận nợ giữa ông G, bà Đ, chị N với anh Ph, do vậy anh Ph yêu cầu ông G, bà Đ, chị N có nghĩa vụ trả cho anh số tiền vốn vay 10.176.000 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị anh Ph, buộc ông G, bà Đ, chị N có nghĩa vụ trả cho anh Ph, tiền vay 10.176.000 đồng.

[3] Về lãi suất: Tại phiên tòa chị T đại diện ủy quyền cho anh Ph, rút yêu cầu tính lãi suất, đây là sự nguyện của đương sự. Do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận đối với yêu cầu này phù hợp tại Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông G, bà Đ, chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26, 35, 39, 144, 147, 217, 227, 235, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh Ph.

- Buộc ông Huỳnh Văn G, bà Lưu Thị Đ, chị Huỳnh Thị Thúy N có nghĩa vụ trả cho anh Trần Thanh Ph số tiền vốn vay 10.176.000 đồng (mười triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

- Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của anh Trần Thanh Ph đối với ông Huỳnh Văn G, bà Lưu Thị Đ, chị Huỳnh Thị Thúy N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Văn G, bà Lưu Thị Đ, chị Huỳnh Thị Thúy N phải chịu án phí 508.800 đồng (năm trăm lẻ tám ngàn tám trăm đồng).

- Anh Trần Thanh Ph được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009047 ngày 02.12.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C M, tỉnh An Giang.

Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C M;
- Chi cục THADS huyện C M;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn